

CHÍNH SÁCH NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH GIAI ĐOẠN 2025-2030
(Ban hành kèm theo Quyết định số 16/QĐ-ĐHKTKT ngày 04 tháng 02 năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Bình Dương)

Chương I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích

1. Thiết lập các nguyên tắc và định hướng quản lý nhằm bảo đảm việc sử dụng hiệu quả, tiết kiệm và bền vững tài nguyên nước trong toàn Trường.
2. Bảo đảm người học, cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên và khách đến làm việc được tiếp cận nguồn nước phục vụ sinh hoạt đạt yêu cầu về chất lượng, an toàn vệ sinh.
3. Tăng cường các điều kiện vệ sinh môi trường, góp phần xây dựng khuôn viên học tập và làm việc văn minh, an toàn và thân thiện.
4. Nâng cao trách nhiệm của các đơn vị, cá nhân trong việc sử dụng nước, bảo vệ nguồn nước và giảm thiểu tác động đến môi trường.
5. Góp phần thực hiện Mục tiêu phát triển bền vững số 6 của Liên Hiệp Quốc về Nước sạch và vệ sinh.

Điều 2. Căn cứ xây dựng chính sách

Chính sách này được xây dựng trên cơ sở:

1. Luật Giáo dục đại học và các văn bản hướng dẫn thi hành.
2. Luật Tài nguyên nước.
3. Luật Bảo vệ môi trường.
4. Luật An toàn, vệ sinh lao động.
5. Chiến lược phát triển Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Bình Dương giai đoạn 2025-2030.
6. Bộ Mục tiêu Phát triển bền vững của Liên Hiệp Quốc (SDGs), trong đó SDG 6 về Nước sạch và vệ sinh.

Điều 3. Phạm vi áp dụng

Chính sách này được triển khai đối với toàn bộ hoạt động của Nhà trường, bao gồm:

1. Hoạt động đào tạo.

2. Hoạt động nghiên cứu khoa học.
3. Hoạt động phục vụ cộng đồng.
4. Hoạt động quản trị và vận hành.
5. Hoạt động đầu tư, xây dựng và cải tạo cơ sở vật chất.
6. Các hoạt động hợp tác trong nước và quốc tế có liên quan đến việc sử dụng tài nguyên nước và bảo vệ môi trường.

Điều 4. Đối tượng áp dụng

1. Người học.
2. Học viên và nghiên cứu sinh (nếu có).
3. Cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên toàn trường
4. Các tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến hoạt động của Nhà trường.

Chương II: QUAN ĐIỂM VÀ MỤC TIÊU CHÍNH SÁCH

Điều 5. Quan điểm và định hướng thực hiện

1. Nước là nguồn tài nguyên thiết yếu cần được quản lý, sử dụng hợp lý và bảo vệ lâu dài.
2. Công tác bảo đảm nước sạch và vệ sinh môi trường là trách nhiệm của toàn thể đơn vị và cá nhân trong Nhà trường.
3. Việc đầu tư, vận hành và khai thác hệ thống cấp nước, thoát nước phải đáp ứng yêu cầu về an toàn, hiệu quả và tuân thủ quy định của pháp luật.
4. Các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng cần gắn với trách nhiệm bảo vệ nguồn nước và gìn giữ môi trường sống.
5. Nhà trường thúc đẩy hình thành văn hóa sử dụng tài nguyên tiết kiệm, giảm thiểu lãng phí và nâng cao ý thức bảo vệ môi trường trong cộng đồng học tập.

Điều 6. Mục tiêu của chính sách

1. Bảo đảm tiếp cận nước sạch
Bảo đảm người học, cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên và khách đến làm việc được tiếp cận nguồn nước phục vụ sinh hoạt tại các khu vực chức năng của Nhà trường.
2. Nâng cao hiệu quả sử dụng nước
Tổ chức kiểm soát, theo dõi và triển khai các giải pháp nhằm giảm thất thoát, lãng phí trong quá trình sử dụng nước.
3. Bảo đảm điều kiện vệ sinh
Duy trì hệ thống nhà vệ sinh, khu vực rửa tay và các công trình phụ trợ đáp ứng yêu cầu về vệ sinh, an toàn và thuận tiện cho người sử dụng.

4. Quản lý nước thải và bảo vệ môi trường

Thực hiện thu gom, xử lý và kiểm soát nước thải theo các quy định hiện hành; hạn chế các nguồn gây ô nhiễm môi trường nước.

5. Nâng cao nhận thức

Tổ chức các hoạt động tuyên truyền, phổ biến kiến thức và hình thành thói quen sử dụng nước tiết kiệm trong cộng đồng Nhà trường.

6. Gắn kết đào tạo, nghiên cứu và phục vụ cộng đồng

Khuyến khích các hoạt động học thuật, nghiên cứu khoa học và dự án phục vụ cộng đồng liên quan đến tài nguyên nước, vệ sinh môi trường và phát triển bền vững.

Chương III: NỘI DUNG THỰC HIỆN

Điều 7. Quản lý và sử dụng tài nguyên nước

1. Tổ chức quản lý, vận hành hệ thống cấp nước phục vụ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, làm việc và sinh hoạt trong toàn Trường.

2. Thực hiện kiểm tra, bảo trì định kỳ hệ thống cấp nước nhằm bảo đảm hoạt động ổn định, an toàn và hạn chế thất thoát nước.

3. Theo dõi, thống kê và đánh giá mức tiêu thụ nước phục vụ công tác quản lý, hoạch định và cải tiến hiệu quả sử dụng tài nguyên nước.

4. Triển khai các giải pháp kỹ thuật và quản lý nhằm sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả; khuyến khích áp dụng các thiết bị và công nghệ tiết kiệm nước trong các hoạt động của Nhà trường.

5. Các đơn vị và cá nhân có trách nhiệm sử dụng nước đúng mục đích, tiết kiệm và hạn chế các hành vi gây lãng phí hoặc thất thoát nước.

Điều 8. Bảo đảm tiếp cận nước uống và công trình vệ sinh

1. Nhà trường bảo đảm người học, cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên và khách đến làm việc được tiếp cận nguồn nước uống phục vụ nhu cầu sinh hoạt tại các khu vực chức năng.

2. Các điểm cung cấp nước uống được bố trí phù hợp với điều kiện thực tế, được kiểm tra, bảo dưỡng và vệ sinh định kỳ nhằm bảo đảm chất lượng phục vụ và an toàn cho người sử dụng.

3. Nhà trường duy trì hệ thống công trình vệ sinh đáp ứng yêu cầu về vệ sinh môi trường, an toàn và khả năng tiếp cận.

4. Công trình vệ sinh được bố trí phù hợp với từng nhóm đối tượng sử dụng; từng bước hoàn thiện các điều kiện tiếp cận đối với người khuyết tật và các đối tượng có nhu cầu hỗ trợ đặc thù.

5. Các đơn vị chức năng có trách nhiệm kiểm tra, duy tu, sửa chữa và nâng cấp hệ thống cấp nước, nước uống và công trình vệ sinh theo kế hoạch hoặc khi phát sinh nhu cầu.

6. Các phản ánh liên quan đến chất lượng nước uống, điều kiện vệ sinh hoặc hư hỏng cơ sở vật chất được tiếp nhận và xử lý theo quy định của Nhà trường.

Điều 9. Quản lý nước thải và bảo vệ nguồn nước

1. Nhà trường đầu tư, vận hành và duy trì các hệ thống thu gom, xử lý nước thải hoặc đấu nối với hệ thống xử lý tập trung theo quy định; bảo đảm nước thải được xử lý đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn môi trường hiện hành trước khi xả thải ra môi trường.

2. Thực hiện các biện pháp kiểm soát nhằm phòng ngừa nguy cơ ô nhiễm môi trường nước trong khuôn viên Trường.

3. Không thực hiện các hành vi xả thải trái quy định hoặc các hành vi gây tác động tiêu cực đến chất lượng nguồn nước và môi trường.

4. Nhà trường khuyến khích triển khai các giải pháp thu gom nước mưa, tái sử dụng nước sau xử lý phù hợp với điều kiện thực tế nhằm phục vụ các hoạt động tưới cây, vệ sinh cảnh quan, dự phòng kỹ thuật và các mục đích khác theo quy định của pháp luật.

5. Các đơn vị chức năng có trách nhiệm lưu trữ hồ sơ, số liệu và minh chứng liên quan đến công tác quản lý nước thải và bảo vệ nguồn nước phục vụ hoạt động kiểm tra, đánh giá và xếp hạng đại học.

Điều 10. Hoạt động đào tạo, truyền thông và nâng cao nhận thức

1. Lồng ghép các nội dung về sử dụng tài nguyên nước hiệu quả, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững trong các học phần phù hợp.

2. Tổ chức định kỳ các hoạt động truyền thông, tập huấn và phổ biến kiến thức về nước sạch, an toàn nguồn nước, vệ sinh môi trường, sử dụng nước tiết kiệm và các giải pháp bảo vệ tài nguyên nước cho người học, cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên.

3. Hưởng ứng các sự kiện, chiến dịch trong nước và quốc tế liên quan đến bảo vệ tài nguyên nước và môi trường.

4. Khuyến khích người học tham gia các hoạt động tuyên truyền, tình nguyện và các chương trình bảo vệ môi trường liên quan đến tài nguyên nước.

Điều 11. Hoạt động nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng

1. Khuyến khích thực hiện các đề tài, dự án nghiên cứu liên quan đến bảo vệ nguồn nước mặt, nước ngầm, sử dụng nước tiết kiệm, xử lý nước thải, tái sử dụng nước, nước sạch, vệ sinh môi trường và phát triển bền vững.

2. Thúc đẩy hoạt động chuyển giao tri thức, công nghệ và giải pháp kỹ thuật trong các lĩnh vực xử lý nước thải, tái sử dụng nước, quản lý tài nguyên nước và bảo vệ môi trường phục vụ cộng đồng.

3. Thúc đẩy hợp tác với doanh nghiệp, cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức nghề nghiệp và các tổ chức xã hội trong các hoạt động liên quan đến nguồn nước và vệ sinh.

4. Khuyến khích người học tham gia các chương trình phục vụ cộng đồng, bảo vệ nguồn nước và nâng cao điều kiện vệ sinh môi trường tại địa phương.

Chương IV: TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Đơn vị chủ trì

Phòng Cơ sở vật chất là đơn vị đầu mối tham mưu, tổ chức triển khai, theo dõi và tổng hợp kết quả thực hiện Chính sách Nước sạch và vệ sinh trong toàn Trường.

Điều 13. Đơn vị phối hợp

1. Phòng Tổ chức – Hành chính.
2. Phòng Quản lý đào tạo.
3. Phòng Kế hoạch – Tài chính.
4. Phòng Công tác sinh viên.
5. Các Khoa, Trung tâm.
6. Đoàn Thanh niên.
7. Hội Sinh viên.

Điều 14. Nguồn lực thực hiện

1. Nguồn lực tài chính: Ngân sách thường xuyên của Nhà trường; Nguồn tài trợ hợp pháp của tổ chức, cá nhân; Nguồn kinh phí từ các chương trình, dự án hợp tác.

2. Nguồn lực nhân sự: Cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên, người học; Chuyên gia, cộng tác viên; Các đơn vị đối tác có liên quan.

3. Nguồn lực cơ sở vật chất: Hệ thống cấp nước và thoát nước; Công trình vệ sinh; Hạ tầng kỹ thuật và thiết bị phục vụ quản lý nước; Hệ thống thông tin và phương tiện truyền thông của Nhà trường.

Chương V: GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ VÀ CẢI TIẾN

Điều 15. Chỉ số theo dõi và đánh giá

Nhà trường tổ chức theo dõi tối thiểu các chỉ số sau:

1. Tổng lượng nước sử dụng hằng năm.
2. Mức tiêu thụ nước bình quân trên đầu người trong khuôn viên Trường.
3. Tỷ lệ khu vực được cung cấp nước phục vụ sinh hoạt.
4. Tỷ lệ công trình vệ sinh được duy trì hoạt động thường xuyên.
5. Số lượng hoạt động tuyên truyền, phổ biến về nước sạch và vệ sinh.

6. Số lượng đề tài nghiên cứu, dự án hoặc hoạt động phục vụ cộng đồng liên quan đến nước sạch và vệ sinh.

7. Tỷ lệ phản ánh về sự cố liên quan đến nước và vệ sinh được tiếp nhận, xử lý theo quy định.

Điều 16. Tổ chức theo dõi và giám sát

1. Các đơn vị có trách nhiệm thu thập số liệu, lưu trữ hồ sơ và minh chứng liên quan.
2. Kết quả thực hiện được tổng hợp, báo cáo định kỳ hằng năm.
3. Các nội dung liên quan đến SDG 6 được lồng ghép trong báo cáo phát triển bền vững và các báo cáo quản trị của Nhà trường.

Điều 17. Rà soát, đánh giá và cải tiến

1. Chính sách được rà soát tối thiểu 01 lần trong năm học.
2. Đánh giá giữa kỳ vào năm 2027.
3. Đánh giá tổng thể vào năm 2030.
4. Chính sách được xem xét điều chỉnh khi có thay đổi về quy định pháp luật, chiến lược phát triển của Nhà trường hoặc các yêu cầu mới từ các tổ chức kiểm định, xếp hạng và các bên liên quan.

.